

Bản án số: 18/2021/DS-PT

Ngày: 10/5/2021

V/v: “Tranh chấp HNGĐ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án HNGĐ phúc thẩm thụ L số 18/2021/TLPT ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp HNGĐ”. Do bản án số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ-PT ngày 26/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L – Sinh năm: 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu NT, Thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh H – Sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thanh Niên Lập Nghiệp, xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Thân, ông Nguyễn Văn Luận – Luật sư thuộc Vp Luật sư Nguyễn Luân – Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1) Chị LTT; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2) Anh Trịnh Ngọc O; Địa chỉ: Thôn Thanh Niên Lập Nghiệp, xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

3) Anh ĐNN; Địa chỉ: thôn Hợp Thịnh, xã Yên Thọ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

4) Anh TĐL; Địa chỉ: Tiểu khu NT, Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

5) Anh LDS; Địa chỉ: thôn Làng Quyền, xã HQ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

6) Anh LVH; Địa chỉ: thôn Xuân Thành, xã HQ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

7) Anh LHL; Địa chỉ: thôn Xuân Thành, xã HQ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

8) Anh LĐH; Địa chỉ: thôn Thanh Niên Lập Nghiệp, xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

9) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TVT– Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVT - Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn YC, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Anh – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hoá. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn YC, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

4. Người làm chứng: Có mặt

1. Chị ĐTH – Vạn Thiện, Nông Cống, Thanh Hóa

2. Anh LVL – Tiểu khu NT, TT Nông Cống, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chị LTT và các người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Bà L và ông H kết hôn với nhau vào năm 1998, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10 tháng 06 năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do H tình và quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L đã làm đơn xin được ly hôn ông H.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu ĐAT, sinh ngày 05/03/1999. Hiện nay cháu trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:*

+ *Về tài sản riêng:* Trước khi kết hôn với ông H, bà L có 01 thửa đất số: 193, tờ bản đồ số 01, diện tích: 120,1 m² đất ở. Địa chỉ: Tiểu khu NT, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

+ *Về tài sản chung:* Sau khi kết hôn, vợ chồng có xây dựng được 01 nhà ở 3 tầng, diện tích xây dựng là 92,75m² xây dựng từ năm 2013 (xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của bà L tại Tiểu khu NT, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa); 01 nhà gỗ 1 gian 2 chái lợp tôn; hệ thống chuồng trại, nuôi trâu bò dê khoảng 220m² và hàng rào bao quanh khu chăn nuôi; 02 nhà ở cũ, mới: 01 nhà lợp bờ rô, 01 nhà lợp nứa, công trình bếp, nhà vệ sinh, bể nước; 3,4 ha cây keo đã trồng 03 năm; 01 ha diện tích trồng Lát và Xoan; 01 con trâu đực; 07 con bò; 20 con dê; Toàn bộ nhà gỗ, khu nhà tạm và trang trại, trâu, bò, dê được xây dựng và chăn nuôi trên diện tích 5,4 ha đất nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng, có địa chỉ tại xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được lấy phần tài sản riêng. Về phần tài sản chung thì chia đôi, bà đề nghị chia bằng hiện vật và được tiếp tục sử dụng trên diện tích đất đã bỏ công sức đầu tư xây dựng.

+ *Về nghĩa vụ chung:* Vợ chồng có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát

triển nông thôn, chi nhánh huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Đến nay, đã trả được một phần, số còn lại cụ thể thì phía Ngân hàng sẽ cung cấp.

** Theo bản tự khai, đơn phản tố và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đặng Thanh H trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Ông Đặng Thanh H thống nhất như lời trình bày của bà L. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông cũng đề nghị Tòa án xem xét cho ông và bà L được ly hôn.

- *Về con chung:* Con chung của ông và bà L là cháu ĐAT sinh ngày 05/03/1999. Cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:*

+ *Về tài sản chung:* Thừa đất số 193, tờ bản đồ số 01, diện tích: 120,1 m² đất ở. Địa chỉ: Tiểu khu NT, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa và 01 ngôi nhà ở 3 tầng, diện tích xây dựng là 92,75m² xây dựng năm 2013. Đây là tài sản chung của vợ chồng, do ông H đã bán nhà, đất trong quê để ra trả nợ tiền đất và làm nhà. Đến khi vay Ngân hàng thì ông và bà L đã làm cam kết toàn bộ diện tích đất và nhà trên là tài sản chung của cả hai vợ chồng có xác nhận của công chứng.

+ *Về tài sản riêng gồm:* 01 nhà gỗ 3 gian, trâu, bò, dê, keo, lát, xoan, tre, luồng tại khu vực đất giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng, có địa chỉ tại xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

+ *Về nghĩa vụ chung:* Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà bà L vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là số tiền bà L vay và có lừa ông ký. Sau khi lấy được tiền, bà L ôm cả chỉ đưa cho ông 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Nên ông chỉ đồng ý trả số nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại ông không có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Ngoài ra, trong quá trình nhận khoán đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng, có địa chỉ tại xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để làm trang trại chăn nuôi và trồng rừng, Bản thân ông có vay mượn một số tiền của các gia đình, cụ thể như sau:

1) Ngày 12/3/2011, ông có vay của gia đình anh Trịnh Ngọc O ở thôn Thanh Niên Lập Nghiệp, xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 140.000.000 đồng, với lãi suất là 0,9% để đầu tư vào việc làm trang trại.

2) Ngày 05/6/2011 ông có vay của gia đình anh ĐNN thôn Tân Thanh, xã Xuân Quỳnh (nay là xã HQ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền 110.000.000 đồng, với lãi suất 1%/năm để đầu tư trang trại, trồng cao su.

3) Năm 2018 ông vay của anh TĐL ở Tiểu khu NT, Thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa số tiền 100.000.000 đồng để làm nhà và đến tháng 11 năm 2020 ông đã trả đủ cho anh Long số tiền 100.000.000 đồng như đã vay.

4) Ngày 28/11/2020 ông có vay của anh LDS ở thôn Làng Quyền, xã Xuân Quỳnh (nay là xã HQ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với số tiền là 170.000.000 đồng.

5) Anh LVH ở thôn Xuân Thanh, xã Xuân Quỳnh (nay là xã HQ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa có cho ông vay với số tiền 145.000.000 đồng để đầu tư làm trang trại, chăn nuôi trâu, bò.

6) Ngày 25/5/2018 ông có vay của anh LHL thôn Xuân Thanh, xã Xuân Quỳnh (nay là xã HQ), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 160.000.000 đồng, với lãi suất là 0,9%/năm để làm nhà gỗ.

7) Ngày 20/10/2011 ông có vay của anh LĐH ở thôn Thanh Niên Lập Nghiệp, xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 70.000.000 đồng, với lãi suất 1%/năm để làm trang trại chăn trồng rừng và chăn nuôi trâu, bò.

Vì vậy, toàn bộ số tài sản chung và công nợ của vợ chồng như ông đã trình bày ở trên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trịnh Ngọc O ; Anh ĐNN; Anh TĐL; Anh LDS; Anh LVH; Anh LHL; Anh LĐH đều thống nhất với lời khai của ông H về công nợ.

Bản án số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, Thanh Hóa quyết định:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 235 và Điều 482 BLTTDS;

Điều 207; Điều 208; Điều 210; Điều 213; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 55; 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 6, 9 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị L thuận tình ly hôn với ông Đặng Thanh H.

2. Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Đặng Thanh H có 01 con chung là cháu ĐAT, sinh ngày 05/03/1999. Cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chấp nhận thỏa thuận của bà Lê Thị L ông Đặng Thanh H như sau:

- Về tài sản chung:

* Bà Lê Thị L được nhận những tài sản gồm:

- Thửa đất ở 120,1m² tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ: Tiểu khu NT, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, trị giá 2.500.000.000 đồng.

- Sở hữu 01 nhà ở 3 tầng +01 bán bình phía trước tầng 1 + mái tôn tầng ba phía trước và phía sau trị giá 1.142.364.875 đồng.

- Tài sản ở cửa hàng bánh: Tủ lạnh nằm; Tủ mát đứng; Điều hòa; Máy đánh kem; Lò nướng bánh; Máy giặt; Giường nằm; Trường kỹ. Tổng giá trị là 10.530.000 đồng (*Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tổng cộng giá trị tài sản bà L được nhận là: 3.653.074.875 đồng (*Ba tỷ sáu trăm năm ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

* Ông Đặng Thanh H được nhận những tài sản sau:

- Về vật kiến trúc bao gồm: Nhà gỗ, nhà bếp, sân bê tông mác, mái tôn, hệ thống chuồng trại, khối lượng đào ao, đào mương, đào đất cống bằng máy; Giếng đào; Tường rào dây thép tại khu vực đất giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng, có địa chỉ tại xã XH, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị tài sản là vật kiến trúc: 380.000.000 đồng.

- Về cây cối hoa màu bao gồm: Keo; Xoan; Cao su. Tổng giá trị tài sản là

cây cối, hoa màu 581.893.220 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản ông H được nhận là: 961.893.220 đồng (*Chín trăm sáu mươi một triệu tám trăm chín mươi ba nghìn hai trăm hai mươi đồng*).

**Về nghĩa vụ chung:* Bà Lê Thị L, ông Đặng Thanh H và đại diện của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thống nhất thỏa thuận: H đến ngày 20/01/2021, bà L, ông H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Như Xuân, Nam Thanh Hóa số tiền là 1.629.513.357 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai chín triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm năm bảy đồng*). Trong đó, tiền gốc là 1.571.420.000 đồng (*Một tỷ năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm hai mươi nghìn đồng*), tiền lãi là 58.093.357 đồng (*Năm mươi tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm bảy đồng*) theo hợp đồng tín dụng số: 3520/001/15/2019 ngày 25 tháng 01 năm 2019.

- Bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Như Xuân, Nam Thanh Hóa số tiền 1.629.513.357 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai chín triệu năm trăm mười ba nghìn ba trăm năm bảy đồng*). Thời hạn thực hiện việc thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Ông Đặng Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Thời hạn phải trả là 3 tháng, kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực (20/01/2021). Nếu ông H không trả đúng hạn theo thỏa thuận thì còn phải chịu lãi xuất quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

-Đối với các khoản nợ vay của các cá nhân khác (07 người mà ông H có đơn phản tố): Thống nhất đây là các khoản vay riêng của ông Đặng Thanh H, nên ông H rút yêu cầu phản tố.

* Ngày 04/02/2021, ông H kháng cáo về phần tài sản, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền lợi cho ông.

* Trong quá trình giải quyết của cấp phúc thẩm, ngày 19/4/2021 bà Lê Thị L có đơn tố cáo và yêu cầu hủy bản án trái pháp luật số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, Thanh Hóa. L do cùng một vụ án nhưng HĐXX cấp sơ thẩm đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021, sau đó lại ra bản án 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS.

- Nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân. Kiến nghị cấp giám đốc thẩm hủy QĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Như Xuân giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của luật sư, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ hai lần, mặt khác ở phiên tòa sơ thẩm ông H đã rút đơn phản tố liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người nêu trên, nên việc họ vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Khoản 3 điều 296 BLTTDS hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đặng Thanh H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn được làm trong thời hạn và nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được thụ L để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét các vi phạm về mặt tố tụng và nội dung của HĐXX cấp sơ thẩm thấy rằng:

2.1 Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, bà Lê Thị L có đơn tố cáo việc HĐXX cấp sơ thẩm ra bản án trái pháp luật và xuất trình quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021 của HĐXX Tòa án nhân dân huyện

Như Xuân, Thanh Hóa. Như vậy tại phiên tòa ngày 20/01/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021, quyết định này có hiệu lực pháp luật. Cùng ngày 20/01/2021, lại tiếp tục ban hành bản án số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021. Bản án này các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Cùng một phiên tòa giải quyết một vụ án, HĐXX cấp sơ thẩm ban hành 2 văn bản tố tụng có hậu quả pháp L khác nhau, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp trên mới có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm khi có kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại hoặc phát sinh tình tiết mới. Nhưng Tòa án nhân dân huyện Như Xuân lại ban hành bản án để thay thế quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Vi phạm về thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện). Mặc dù không có kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của VKS về vấn đề này, nhưng khi phát hiện những vi phạm của sơ thẩm, cấp phúc thẩm cần xem xét, xử L để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra theo quy định của điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự, điều kiện để được tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự. Ngoài những quy định những điều kiện bắt buộc về chủ thể thì phải được đương sự mời và được Tòa án chấp nhận. Luật sư khi làm thủ tục đăng ký với Tòa án phải xuất trình các giấy tờ tài liệu gồm đơn yêu cầu luật sư của đương sự, thẻ luật sư, quyết định cử Luật sư của văn phòng hoặc Công ty Luật và được tòa án vào sổ đăng ký và xác nhận vào giấy yêu cầu luật sư. Tuy nhiên ở cấp sơ thẩm Luật sư Nguyễn Quốc Đạt tham gia bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn chỉ xuất trình thẻ luật sư, nhưng vẫn được tòa sơ thẩm chấp nhận tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật.

2.2 Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, về phần tài sản thì bà L và ông H chưa có sự thống nhất về tài sản chung và tài sản riêng đối với thửa đất ở tại thị trấn Nông Công và các công trình kiến trúc, chuồng trại, các con vật nuôi và cây cối được xây dựng và chăn nuôi, trồng trên diện tích 5,4 ha đất nhận khoán của Ban quản L rừng phòng hộ Sông Chàng, có địa chỉ tại xã XH, huyện Như Xuân,

tỉnh Thanh Hóa, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ được vấn đề này. Để có cơ sở cho việc giải quyết về phần tài sản cần làm rõ bản cam kết tài sản chung (có giá trị pháp L), đưa những người ông H khai đã trả nợ cho họ tiền vay mua đất của bà L tại tiểu khu NT, thị trấn Nông Công vào tham gia tố tụng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị LTT (Con gái bà L) đã có lời khai và chứng minh một số tài sản ở cửa hàng bánh là tài sản riêng của chị, nhưng Tòa án lại chấp nhận thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn đưa tài sản này vào là tài sản của bà L, ông H để thỏa thuận phân chia mà không thể hiện sự thỏa thuận hay ý chí của người liên quan có tài sản.

Tại phiên tòa ông Đặng Thanh H tự nguyện rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu bà L cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho 7 cá nhân ông H vay nợ, trên cơ sở đồng ý của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này, nhưng án sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu này là không giải quyết triệt để yêu cầu phản tố của đương sự trong vụ án, vi phạm điều 244 bộ luật tố tụng dân sự.

Do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thiếu sót về nội dung, nên cần hủy bản án sơ thẩm số án 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân. Giao hồ sơ cho Tòa án Như Xuân giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đối với quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021 của HĐXX Tòa án nhân dân huyện Như Xuân không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Thanh Hóa vì QĐ đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, kiến nghị TAND cấp Cao tại Hà nội xem xét quyết định này theo thủ tục GĐT.

[3] Xét kháng cáo của ông Đặng Thanh H về phần tài sản: Vì vụ án đã bị hủy, nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của ông H, quyền lợi của các đương sự sẽ được xem xét giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí DSPT: Vì vụ án bị hủy nên ông H không phải chịu án phí DSPT, được trả lại tạm ứng án phí đã thu theo biên lai thu số AA/2019/0012161 ngày 05/02/2021 của Chi cục THSDS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Hủy bản án sơ thẩm số án 08/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân. Giao hồ sơ cho Tòa án Như Xuân giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Kiến nghị TAND Cấp Cao tại Hà nội xem xét theo thủ tục GĐT Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Án phí: Ông H không phải chịu án phí DSPT, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012161 ngày 05/02/2021 của Chi cục THSDS huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án HNGĐ phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- TAND huyện Như Xuân
- Chi cục THA dân sự huyện Như Xuân
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung